

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2007/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 01 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2006/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của HĐND thành phố Đà Nẵng khoá VII, nhiệm kỳ 2004 - 2009, kỳ họp thứ 8 về việc quy định thu một số loại phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Đối tượng nộp lệ phí đăng ký hộ tịch:

Tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Đối tượng miễn nộp lệ phí đăng ký hộ tịch:

a) Miễn thu lệ phí đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi cho người dân thuộc các dân tộc thiểu số ở các xã miền núi.

- b) Miễn lệ phí đăng ký khai sinh cho trẻ em của hộ nghèo theo chuẩn thành phố quy định, trẻ em các dân tộc thiểu số ở các xã miền núi.
- c) Miễn thu đối với việc đăng ký tử lần đầu và đúng hạn.
- d) Miễn thu đối với việc đăng ký tử quá hạn trong thời gian không quá 6 tháng kể từ ngày chết.

**Điều 2.** Mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng áp dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại các cơ quan sau đây:

- 1. Ủy ban nhân dân phường, xã (Phụ lục I kèm theo Quyết định này).
- 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện (Phụ lục II kèm theo Quyết định này).
- 3. Sở Tư pháp (Phụ lục III kèm theo Quyết định này).

**Điều 3.**

1. Thu, nộp lệ phí: Cơ quan thu lệ phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính.

2. Quản lý và sử dụng tiền lệ phí thu được:

2.1. Mức trích lệ phí để lại cơ quan thu lệ phí:

a) UBND phường, xã được trích để lại 70% số thu; 30% còn lại nộp vào ngân sách phường, xã. Riêng các xã miền núi được trích để lại 100% số lệ phí thu được.

b) UBND quận, huyện được trích để lại 70% số thu; 30% còn lại nộp vào ngân sách quận, huyện.

c) Sở Tư pháp được trích để lại 50% số thu; 50% còn lại nộp vào ngân sách thành phố.

2.2. Nội dung sử dụng số tiền lệ phí được trích lại:

a) Chi phí in hoặc mua hồ sơ, biểu mẫu, sổ sách liên quan đến công việc đăng ký hộ tịch.

b) Chi mua văn phòng phẩm, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành phục vụ cho công tác thu lệ phí.

c) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc giải quyết về hộ tịch và thu lệ phí hộ tịch.

Số tiền lệ phí được trích lại nếu trong năm sử dụng không hết thì được chuyển sang năm sau.

**Điều 4.** Sở Tài chính thành phố chủ trì, phối hợp với Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; Giám đốc Kho bạc Nhà

nước Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Minh**

**Phụ lục I:**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH  
ÁP DỤNG TẠI UBND PHƯỜNG, XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 01 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng)

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu lệ phí</b>	<b>Mức thu (đồng)</b>
1	Khai sinh	
	- Đăng ký khai sinh	5.000
	- Đăng ký khai sinh quá hạn	5.000
	- Đăng ký lại việc sinh	5.000
	- Đăng ký khai sinh cho trẻ em (có yếu tố nước ngoài)	5.000
2	Kết hôn	
	- Đăng ký kết hôn	20.000
	- Đăng ký lại việc kết hôn	20.000
3	Khai tử	
	- Đăng ký tử	Miễn thu
	- Đăng ký tử quá hạn (Áp dụng đối với trường hợp chết quá 6 tháng mới đăng ký tử).	5.000
	- Đăng ký lại việc tử	5.000
4	Nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	20.000
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	20.000
5	Nhận cha, mẹ, con	
	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	10.000

6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	10.000
7	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000/01 bản sao
8	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	
	- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3.000/1 giấy tờ hộ tịch
	- Xác nhận các giấy tờ hộ tịch khác	3.000/1 giấy tờ hộ tịch
9	Các việc đăng ký hộ tịch khác	
	- Đăng ký việc giám hộ	5.000
	- Chấm dứt, thay đổi việc giám hộ	5.000
	- Điều chỉnh nội dung trong sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác.	5.000
	- Các việc đăng ký hộ tịch khác	5.000

**Phụ lục II:**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH**

**ÁP DỤNG TẠI UBND QUẬN, HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 01 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng)

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu lệ phí</b>	<b>Mức thu (đồng)</b>
1	Cấp lại bản chính khai sinh	10.000
2	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	3.000/bản
3	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	25.000
4	Các việc đăng ký hộ tịch khác	5.000
	- Điều chỉnh nội dung trong sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác.	5.000
	- Ghi vào sổ hộ tịch các thay đổi hộ tịch khác	5.000
	- Các việc đăng ký hộ tịch khác	5.000

**Phụ lục III:**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH  
ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 01 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng)

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu lệ phí</b>	<b>Mức thu (đồng)</b>
1	Khai sinh	
	- Đăng ký khai sinh	50.000
	- Đăng ký lại việc sinh	50.000
2	Kết hôn	
	- Đăng ký kết hôn	1.000.000
	- Đăng ký lại việc kết hôn	1.000.000
3	Khai tử	
	- Đăng ký tử	Miễn thu
	- Đăng ký lại việc tử	50.000
4	Nuôi con nuôi	
	- Đăng ký việc nuôi con nuôi	2.000.000
	- Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	2.000.000
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000.000
6	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	5.000/bản sao
7	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	10.000
8	Các việc đăng ký hộ tịch khác	
	- Đăng ký việc giám hộ	50.000
	- Chấm dứt, thay đổi việc giám hộ	50.000

	- Cấp lại bản chính giấy khai sinh	50.000
	- Thay đổi, cải chính hộ tịch xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch	50.000
	- Các việc đăng ký hộ tịch khác	50.000